

Số: 44 /2018/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 19 tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý kinh phí khuyến công và định mức chi cho các hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Cà Mau

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 20/2017/TT-BCT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 69/TTr-SCT ngày 31 tháng 10 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý kinh phí khuyến công và định mức chi cho các hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

2. Quyết định số 09/2015/QĐ-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công trên địa bàn tỉnh Cà Mau và Quyết định số 08/2018/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công trên địa bàn tỉnh Cà Mau ban hành kèm theo Quyết định số 09/2015/QĐ-UBND ngày 20/4/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Công Thương;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPP, Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- NC (Đ18/QP);
- Lưu: VT, M.A97/12.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Văn Bi

QUY CHẾ

Quản lý kinh phí khuyến công và định mức chi cho các
hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Cà Mau
(Ban hành kèm theo Quyết định số 44 /2018/QĐ-UBND
ngày 19 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc quản lý kinh phí khuyến công và định mức chi cho các hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Cà Mau, gồm: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật (sau đây viết tắt là cơ sở công nghiệp nông thôn).
- Các cơ sở sản xuất công nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn.
- Các cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.

Điều 3. Nguồn kinh phí bảo đảm hoạt động khuyến công

- Ngân sách tỉnh bảo đảm kinh phí cho các hoạt động khuyến công cấp tỉnh, giao cho Sở Công Thương quản lý, tổ chức thực hiện.
- Ngân sách cấp huyện, cấp xã bảo đảm kinh phí cho các hoạt động khuyến công cấp huyện, cấp xã do Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quản lý, tổ chức thực hiện.
- Ngoài các nguồn kinh phí nêu trên, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm huy động các nguồn tài chính hợp pháp khác, lồng ghép các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia và các Chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác để thực hiện mục tiêu khuyến công.

Điều 4. Nguyên tắc sử dụng kinh phí khuyến công

- Kinh phí khuyến công cấp tỉnh bảo đảm chi cho những hoạt động khuyến công do Sở Công Thương quản lý và tổ chức thực hiện đối với hoạt động khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn có ý nghĩa trong tỉnh phù hợp với chiến lược, quy hoạch tỉnh.

2. Kinh phí khuyến công cấp huyện, cấp xã bảo đảm chi cho những hoạt động khuyến công do Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quản lý và tổ chức thực hiện đối với hoạt động khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn có ý nghĩa trên địa bàn huyện, xã phù hợp với chiến lược, quy hoạch của địa phương.

3. Đề án, nhiệm vụ khuyến công thực hiện theo phương thức xét chọn theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã hoặc đấu thầu theo quy định hiện hành.

Điều 5. Nguyên tắc ưu tiên

1. Địa bàn ưu tiên

a) Vùng đồng bào dân tộc thiểu số theo quy định hiện hành của cấp có thẩm quyền;

b) Địa bàn các xã trong kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới do Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau phê duyệt hàng năm hoặc từng giai đoạn;

c) Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn xác định theo quy định của Chính phủ.

2. Ngành nghề ưu tiên

a) Ưu tiên các chương trình, đề án hỗ trợ phát triển công nghiệp cơ khí, hóa chất phục vụ nông nghiệp, nông thôn; công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản; công nghiệp hỗ trợ (áp dụng đối với các cơ sở sản xuất thuộc danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển theo quy định tại Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ); áp dụng sản xuất sạch hơn trong sản xuất công nghiệp;

b) Ưu tiên các chương trình, đề án hỗ trợ phát triển các sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu; sản phẩm thuộc các chương trình phát triển sản phẩm công nghiệp chủ lực; công nghiệp mũi nhọn; công nghiệp trọng điểm của tỉnh; sản xuất các sản phẩm có thị trường xuất khẩu; sản xuất sản phẩm sử dụng nguyên liệu tại chỗ, sử dụng nhiều lao động.

3. Nguyên tắc xét ưu tiên

a) Ưu tiên trong phân bổ kế hoạch kinh phí khuyến công địa phương: Khi xét giao kế hoạch kinh phí khuyến công hàng năm tùy theo khả năng cân đối ngân sách, cơ quan quản lý chương trình khuyến công sẽ ưu tiên phân bổ kế hoạch kinh phí theo địa bàn trước sau đó xét đến ưu tiên ngành nghề, lĩnh vực.

Về địa bàn: Xét ưu tiên lần lượt các địa bàn theo thứ tự từ điểm a đến điểm c Khoản 1 Điều này.

Về ngành nghề: Xét ưu tiên lần lượt theo thứ tự đối với các chương trình, đề án quy định tại điểm b, sau đó đến điểm a Khoản 2 Điều này (không bao gồm áp dụng sản xuất sạch hơn);

b) Đối với áp dụng sản xuất sạch hơn không xét thứ tự ưu tiên về địa bàn và ngành nghề, lĩnh vực như quy định tại điểm a Khoản 3 Điều này. Thứ tự ưu tiên xét trên tính hiệu quả và sự cấp thiết của đề án do cơ quan quản lý chương trình xem xét, quyết định.

4. Mức kinh phí ưu tiên hỗ trợ cho các chương trình, đề án, nhiệm vụ quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này do ngân sách cấp tỉnh đảm trách thì do Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, do ngân sách cấp huyện đảm trách thì do Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt, do ngân sách cấp xã đảm trách thì do Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt đảm bảo tính khuyến khích, thúc đẩy các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, áp dụng sản xuất sạch hơn trên địa bàn, nhưng không quá 1,5 lần mức hỗ trợ quy định tại Điều 9 Quy chế này.

Điều 6. Điều kiện để được hỗ trợ kinh phí khuyến công

Điều kiện để được hỗ trợ kinh phí khuyến công đảm bảo các yêu cầu, nội dung quy định tại Điều 5 Thông tư số 28/2018/TT-BCT ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công (sau đây viết tắt là Thông tư số 28/2018/TT-BCT).

Chương II NỘI DUNG CHI VÀ MỨC CHI

Điều 7. Nội dung chi hoạt động khuyến công

Nội dung chi hoạt động khuyến công cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã bao gồm các nội dung theo quy định tại Điều 6 của Thông tư số 28/2018/TT-BTC.

Điều 8. Mức chi hoạt động khuyến công

Các tổ chức, cá nhân sử dụng kinh phí khuyến công cho các hoạt động khuyến công trên địa bàn, thực hiện theo đúng định mức, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành do các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành. Quy chế này quy định cụ thể một số mức chi sau:

1. Một số mức chi chung cho hoạt động khuyến công cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã: Thực hiện theo Điều 7 của Thông tư số 28/2018/TT-BTC.

2. Mức chi cụ thể hoạt động khuyến công địa phương

a) Chi hỗ trợ thành lập doanh nghiệp sản xuất công nghiệp nông thôn tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật, bao gồm: Hoàn thiện kế hoạch kinh doanh; dự án thành lập doanh nghiệp và chi phí liên quan đến đăng ký thành lập doanh nghiệp. Mức hỗ trợ không quá 10 triệu đồng/doanh nghiệp;

b) Chi hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật

Mô hình trình diễn để phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới, bao gồm các chi phí: Xây dựng, mua máy móc thiết bị; hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ, quy trình sản xuất, phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí nhưng không quá 700 triệu đồng/mô hình;

Mô hình của các cơ sở công nghiệp nông thôn đang hoạt động có hiệu quả cần phổ biến tuyên truyền, nhân rộng để các tổ chức, cá nhân khác học tập, bao gồm các chi phí: Hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ; hoàn thiện quy trình sản xuất, phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ không quá 70 triệu đồng/mô hình;

c) Chi hỗ trợ xây dựng mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp cho các cơ sở sản xuất công nghiệp; bao gồm các chi phí: Thay thế nguyên, nhiên, vật liệu; đổi mới máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ; đào tạo nâng cao năng lực quản lý; đào tạo nâng cao trình độ tay nghề công nhân; tiêu thụ sản phẩm; hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ, quy trình sản xuất phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí nhưng không quá 350 triệu đồng/mô hình;

d) Chi hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, chuyển giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp. Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí nhưng không quá 210 triệu đồng/cơ sở. Trường hợp chi hỗ trợ dây chuyền công nghệ thì mức hỗ trợ tối đa không quá 1,5 lần mức hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, chuyển giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp;

đ) Chi hỗ trợ tổ chức hội chợ triển lãm hàng công nghiệp nông thôn, hàng thủ công mỹ nghệ, bao gồm: Hỗ trợ 100% chi phí thuê gian hàng, chi thông tin tuyên truyền và chi hoạt động của Ban tổ chức hội chợ triển lãm trên cơ sở giá đấu thầu hoặc trường hợp không đủ điều kiện đấu thầu thì theo giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Theo phân cấp cụ thể:

Ngân sách tỉnh hỗ trợ cho tổ chức hội chợ triển lãm cấp tỉnh và tham gia hội chợ cấp khu vực, cấp quốc gia theo dự toán cụ thể của Sở Công Thương.

Ngân sách cấp huyện hỗ trợ cho việc tổ chức hội chợ triển lãm cấp huyện và tham gia hội chợ cấp tỉnh.

Ngân sách cấp xã hỗ trợ cho việc tham gia hội chợ triển lãm cấp huyện.

Trường hợp các cơ sở công nghiệp nông thôn được Sở Công Thương cử tham gia hội chợ, triển lãm khác trong nước. Mức hỗ trợ 80% giá thuê gian hàng (trên cơ sở dự toán hàng năm của Sở Công Thương).

e) Chi tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm cho các cơ sở công nghiệp nông thôn tại nước ngoài. Hỗ trợ 100% các khoản chi phí, bao gồm: Thuê mặt bằng, thiết kế, dàn dựng gian hàng; trang trí chung của khu vực Việt Nam (bao gồm cả gian hàng quốc gia nếu có); chi phí tổ chức khai mạc nếu là hội chợ triển lãm riêng của Việt Nam (giấy mời, đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng, thông tin tuyên truyền); chi phí tổ chức hội thảo, trình diễn sản phẩm (thuê hội trường, thiết bị, trang trí, khánh tiết); chi phí cho cán bộ tổ chức chương trình. Các khoản chi phí được xác định trên cơ sở giá đấu thầu hoặc trường hợp không đủ điều kiện đấu thầu thì theo giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

g) Chi tổ chức bình chọn và trao giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh, huyện:

Chi tổ chức bình chọn, trao giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh, huyện. Mức hỗ trợ không quá 80 triệu đồng/lần đối với cấp huyện và 140 triệu đồng/lần đối với cấp tỉnh;

Chi thưởng cho sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu được bình chọn bao gồm: Giấy chứng nhận, khung, kỷ niệm chương và tiền thưởng. Đạt giải cấp huyện không quá 03 triệu đồng/sản phẩm; đạt giải cấp tỉnh không quá 04 triệu đồng/sản phẩm;

h) Chi hỗ trợ xây dựng và đăng ký nhãn hiệu đối với các sản phẩm công nghiệp nông thôn. Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí, nhưng không quá 30 triệu đồng/nhãn hiệu (chỉ hỗ trợ đối với sản phẩm đã được công nhận nhãn hiệu);

i) Chi hỗ trợ thuê tư vấn, trợ giúp các cơ sở công nghiệp nông thôn trong các lĩnh vực: Lập dự án đầu tư; marketing; quản lý sản xuất, tài chính, kế toán, nhân lực; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói; ứng dụng công nghệ, thiết bị mới. Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí, nhưng không quá 30 triệu đồng/cơ sở;

k) Chi xây dựng các chương trình truyền hình, truyền thanh; xuất bản các bản tin ấn phẩm; tờ rơi, tờ gấp và các hình thức thông tin đại chúng khác. Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với cơ quan tuyên truyền và cơ quan thông tin đại chúng theo phương thức đấu thầu, trường hợp đặt hàng giao nhiệm vụ thực hiện theo đơn giá được cấp thẩm quyền phê duyệt;

l) Chi hỗ trợ để thành lập hội, hiệp hội ngành nghề cấp tỉnh. Mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí thành lập, nhưng không quá 50 triệu đồng/hội;

m) Chi hỗ trợ để hình thành cụm liên kết doanh nghiệp công nghiệp. Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí nhưng không quá 100 triệu đồng/cụm liên kết;

n) Chi hỗ trợ lãi suất vốn vay cho các cơ sở công nghiệp nông thôn gây ô nhiễm môi trường di dời vào các khu, cụm công nghiệp (hỗ trợ sau khi cơ sở công nghiệp nông thôn đã hoàn thành việc đầu tư): Mức hỗ trợ tối đa 50% lãi suất cho các khoản vay để đầu tư nhà xưởng, máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ trong 02 năm đầu nhưng không quá 350 triệu đồng/cơ sở. Việc hỗ trợ lãi suất áp dụng đối với các khoản vay trung hạn và dài hạn bằng đồng Việt Nam trả nợ trước hoặc trong hạn, không áp dụng đối với các khoản vay đã quá thời hạn trả nợ theo hợp đồng tín dụng. Với mức lãi suất cho vay thấp nhất trong khung lãi suất áp dụng cho các khoản vốn đầu tư phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh cùng kỳ hạn và cùng thời kỳ của Ngân hàng phát triển Việt Nam (khi có nhu cầu phát sinh Sở Công Thương phối hợp Sở Tài chính xây dựng đề án trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định);

o) Chi hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại cơ sở công nghiệp nông thôn. Mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí, nhưng không quá 300 triệu đồng/cơ sở;

p) Chi hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại các cụm công nghiệp. Mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí, nhưng không quá 1.000 triệu đồng/cụm công nghiệp;

q) Chi hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp. Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí, nhưng không quá 350 triệu đồng/cụm công nghiệp;

r) Chi hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp; bao gồm: San lấp mặt bằng, đường giao thông nội bộ, hệ thống cấp nước, thoát nước, hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại các cụm công nghiệp. Mức hỗ trợ không quá 3.000 triệu đồng/cụm công nghiệp;

s) Chi tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo:

Chi đào tạo nâng cao tay nghề cho người lao động áp dụng theo Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng;

Chi đào tạo thợ giỏi, nghệ nhân tiêu thủ công nghiệp để duy trì, phát triển nghề và hình thành đội ngũ giảng viên phục vụ chương trình đào tạo nghề, nâng cao tay nghề, truyền nghề ở nông thôn. Mức chi theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

t) Chi thù lao cho cộng tác viên khuyến công: Mức chi thù lao cho cộng tác viên khuyến công tối đa không quá 1,0 lần mức lương cơ sở/người/tháng;

u) Chi hỗ trợ các phòng trưng bày để giới thiệu, quảng bá sản phẩm tại Trung tâm Khuyến công cấp tỉnh và cơ sở công nghiệp nông thôn:

Trung tâm Khuyến công cấp tỉnh: Chi phí mua sắm ban đầu trang thiết bị, dụng cụ quản lý dùng để trưng bày. Mức hỗ trợ tối đa không quá 350 triệu đồng/phòng trưng bày;

Cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp khu vực, quốc gia: Chi phí mua sắm ban đầu trang thiết bị, dụng cụ quản lý dùng để trưng bày. Mức hỗ trợ tối đa không quá 50 triệu đồng/phòng trưng bày;

3. Chi quản lý chương trình đề án khuyến công

a) Cơ quan quản lý kinh phí khuyến công cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã được sử dụng tối đa 1,5% kinh phí khuyến công được giao hàng năm để hỗ trợ xây dựng các chương trình, đề án, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu: Thuê chuyên gia, lao động (nếu có); chi làm thêm giờ theo chế độ quy định; văn phòng phẩm, điện thoại, bưu chính, điện nước; chi công tác phí, xăng dầu, thuê xe đi kiểm tra (nếu có); chi thẩm định xét chọn, nghiệm thu chương trình, đề án khuyến công; chi khác (nếu có). Nội dung và kinh phí do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

b) Cơ quan triển khai và tổ chức thực hiện hoạt động khuyến công cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã được chi tối đa 3% dự toán đề án khuyến công (riêng đề án ở địa bàn xã có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn được chi không quá 4%) để chi công tác quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, chi khác (nếu có).

Chương III

LẬP, CHẤP HÀNH VÀ QUYẾT TOÁN

Điều 9. Lập, chấp hành và quyết toán

Việc lập, chấp hành và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước cấp đối với hoạt động khuyến công thực hiện theo quy định của Luật ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật và các quy định tại Quy chế này.

Điều 10. Lập và phân bổ dự toán

1. Đối với kinh phí khuyến công cấp tỉnh

Quý I hàng năm, Sở Công Thương hướng dẫn Phòng Kinh tế - Hạ tầng các huyện và Phòng Kinh tế thành phố Cà Mau lập danh mục đề án đăng ký kế hoạch kinh phí khuyến công phần đề xuất cấp tỉnh hỗ trợ, gửi Sở Công Thương (qua Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại); đồng thời gửi Ủy ban nhân dân huyện, thành phố để báo cáo.

Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tổng hợp, kiểm tra đề xuất của Phòng Kinh tế - Hạ tầng các huyện và Phòng Kinh tế thành phố Cà Mau; đồng thời dự toán phần kinh phí hoạt động khuyến công tại Trung tâm, xây dựng dự toán chung kinh phí khuyến công cấp tỉnh, trình Sở Công Thương xem xét, gửi Sở Tài chính để tổng hợp vào dự toán ngân sách địa phương, trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

Sau khi dự toán được Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt, Sở Công Thương giao Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại quản lý và lập kế hoạch phân khai kinh phí khuyến công trình Sở Công Thương phê duyệt để triển khai thực hiện, sau khi được Sở Tài chính thẩm định.

2. Đối với kinh phí khuyến công cấp huyện: Do Phòng Kinh tế - Hạ tầng các huyện và Phòng Kinh tế thành phố Cà Mau thực hiện lập dự toán, gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định và tổ chức thực hiện.

3. Đối với kinh phí khuyến công cấp xã: Do Ủy ban nhân dân xã xem xét lập dự toán, quyết định và tổ chức thực hiện.

Điều 11. Chấp hành dự toán

Việc chấp hành dự toán kinh phí khuyến công phải đảm bảo đúng quy định tại Điều 12 của Thông tư số 28/2018/TT-BTC.

Điều 12. Công tác hạch toán, quyết toán

Việc hạch toán và quyết toán kinh phí khuyến công phải đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 13 của Thông tư số 28/2018/TT-BTC.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Kiểm tra, giám sát, thông tin báo cáo

1. Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã có trách nhiệm phối hợp với cơ quan tài chính cùng cấp kiểm tra định kỳ, đột xuất; giám sát đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ, mục tiêu của các đề án, bảo đảm việc quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả.

2. Sở Công Thương có trách nhiệm theo dõi, đánh giá định kỳ báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện các nhiệm vụ, đề án khuyến công trong phạm vi toàn tỉnh.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm theo dõi, đánh giá, định kỳ 3 tháng báo cáo Sở Công Thương về hoạt động khuyến công tại địa phương.

Điều 14. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng, thụ hưởng kinh phí khuyến công

1. Các tổ chức, cá nhân được giao quản lý chương trình, đề án; lập, phân bổ kinh phí khuyến công, kiểm tra, giám sát thực hiện có trách nhiệm chấp hành thực hiện đúng các quy định có liên quan nhằm đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm, phòng tránh vi phạm.

2. Các tổ chức, cá nhân được hỗ trợ, thụ hưởng kinh phí khuyến công có trách nhiệm sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả, chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan chức năng có thẩm quyền; thực hiện chế độ thanh, quyết toán kinh phí đã sử dụng theo quy định hiện hành.

Điều 15. Tổ chức thực hiện

1. Sở Công Thương

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng Chương trình khuyến công địa phương từng giai đoạn và kế hoạch, danh mục đề án khuyến công hàng năm trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện; đồng thời làm cơ sở cho việc xây dựng dự toán kinh phí khuyến công;

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh huy động các nguồn tài chính hợp pháp khác, lồng ghép các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia và các Chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác để thực hiện mục tiêu khuyến công;

c) Đề xuất và tổ chức thực hiện các đề án khuyến công quốc gia được phân giao theo quy định;

d) Tổ chức quản lý, giám sát, kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công cấp tỉnh; hướng dẫn, chỉ đạo hoạt động khuyến công và quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công cho cấp huyện; báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Công Thương về tình hình hoạt động khuyến công, sử dụng kinh phí khuyến công trên địa bàn tỉnh;

đ) Giao Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại:

Tham mưu Sở Công Thương xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch khuyến công địa phương và quốc gia trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân xây dựng đề án, kế hoạch, chương trình khuyến công.

Lập hồ sơ đề án, nhiệm vụ và dự toán chi tiết kinh phí thực hiện theo quy định. Phối hợp với Phòng Kinh tế - Hạ tầng các huyện, Phòng Kinh tế thành phố Cà Mau, các đơn vị có liên quan tổ chức ký hợp đồng và hướng dẫn các đơn vị tổ chức triển khai thực hiện, nghiệm thu các đề án khuyến công được giao theo các quy định và thẩm quyền được giao.

Thanh lý và quyết toán các hợp đồng khuyến công theo quy định.

Quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm; thực hiện việc giải ngân và thanh quyết toán kinh phí khuyến công đúng theo quy định hiện hành.

Thực hiện các nhiệm vụ khuyến công theo kế hoạch chi tiết được phê duyệt.

2. Sở Tài chính

a) Tổng hợp dự toán kinh phí khuyến công hàng năm, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét trình Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định của Luật ngân sách nhà nước; thẩm định dự toán phân khai nguồn kinh phí khuyến công đã được phân bổ để tổ chức thực hiện;

b) Hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công theo quy định.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau

a) Xây dựng chương trình, kế hoạch phát triển sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, làng nghề và hoạt động khuyến công trên địa bàn;

b) Hàng năm, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau cân đối bố trí dành một phần kinh phí giao Phòng Kinh tế - Hạ tầng, Phòng Kinh tế để thực hiện các chương trình, đề án khuyến công đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn;

c) Chỉ đạo Phòng Kinh tế - Hạ tầng, Phòng Kinh tế phát động, hướng dẫn, phân loại các cơ sở sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, làng nghề thuộc đối tượng cần khuyến khích, hỗ trợ để xem xét, đề nghị cấp trên hỗ trợ và thực hiện việc hỗ trợ của địa phương;

d) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã có kế hoạch phát triển sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, làng nghề và bố trí kinh phí để thực hiện nhiệm vụ khuyến công cấp xã;

đ) Tổ chức quản lý, giám sát, kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong các hoạt động khuyến công trên địa bàn theo thẩm quyền;

e) Phối hợp thực hiện các hoạt động khuyến công của Trung ương và của tỉnh trên địa bàn; thực hiện các nhiệm vụ, trách nhiệm theo phân cấp trong Quy chế này và các quy định có liên quan.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Có kế hoạch phát triển sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, làng nghề và bố trí kinh phí để thực hiện nhiệm vụ khuyến công cấp xã;

b) Phối hợp thực hiện các hoạt động khuyến công do cấp trên triển khai trên địa bàn; thực hiện các nhiệm vụ, trách nhiệm theo phân cấp trong Quy chế này và các quy định có liên quan.

Chương V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

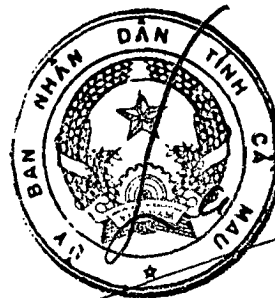
Điều 16. Trách nhiệm thi hành

Sở Công Thương chịu trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này; định kỳ hàng quý, năm tổng hợp tình hình thực hiện Quy chế, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Công Thương.

Điều 17. Sửa đổi, bổ sung

Trong quá trình thực hiện Quy chế này, trường hợp có thay đổi văn bản nguồn hoặc có vướng mắc phát sinh, Sở Công Thương tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Văn Bi